

**ĐÁP ÁN
ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

Môn thi: TIẾNG ANH (Vòng 2)
Dành cho các thí sinh thi vào chuyên Tiếng Anh

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

SECTION A: LISTENING (50 points)

PART 1. You will hear people talking in eight different situations. For questions 1-8, choose the best answer A, B, or C. Write your answers in the numbered spaces provided. (2 pts x 8 = 16 pts)

1. A	2. B	3. B	4. C	5. C	6. B	7. A	8. B
------	------	------	------	------	------	------	------

PART 2. You will hear part of a television programme about alternative holiday destinations. For questions 9-15, choose the best answer A, B or C. Write your answers in the numbered spaces provided.

(2 pts x 7 = 14 pts)

9. C	10. B	11. A	12. B
13. C	14. A	15. A	

PART 3. For questions 16-25, listen to Janine talking about upcycling, her new family hobby and complete the sentences. Write **NO MORE THAN THREE WORDS** from the recording for each answer in the numbered spaces provided. (2 pts x 10 = 20 pts)

16. tattered looking	21. headaches
17. tedious	22. bare essentials
18. Internet searching	23. partner in crime
19. masking	24. heated
20. ins and outs	25. letting go of

SECTION B: VOCABULARY AND GRAMMAR (40 points)

PART 1. (1 pt x 20 = 20 pts)

For questions 1-16, choose the letter A, B, C, or D to indicate the word/ phrase which best completes each sentence. Write your answers in the numbered spaces provided.

For questions 17-18, choose the letter A, B, C, or D to indicate the word/ phrase that is **CLOSEST** in meaning to the underlined part. Write your answers in the numbered spaces provided.

For questions 19-20, choose the letter A, B, C, or D to indicate the word/ phrase that is **OPPOSITE** in meaning to the underlined part. Write your answers in the numbered spaces provided.

1. B	2. B	3. A	4. C	5. A	6. B	7. A	8. C	9. D	10. A
11. D	12. A	13. B	14. A	15. C	16. B	17. C	18. A	19. D	20. A

PART 2. For questions 21-30, identify ten errors in the following passage and correct them. Write your answers in the numbered spaces provided. (1 pt x 10 = 10 pts)

Question	Line	Error	Correction	Question	Line	Error	Correction
21.	1	has cracked	cracked	26.	8	puts	sets
22.	3	then	than	27.	11	Nevertheless	Although/ Though
23.	5	fine	finest	28.	12	expected	unexpected

24.	7	deciphering	to decipher	29.	13	a	an
25.	7	arrogantly	arrogant	30.	14	thought-provoked	thought-provoking

PART 3. For questions 31-40, use the word given in capitals to form a word that best completes each sentence. Write your answers in the numbered spaces provided. (1 pt x 10 = 10 pts)

31. belittle	32. activated	33. withdraw	34. anti-aging	35. dietician
36. multinational	37. lawmakers	38. mind-blowing	39. newsworthy	40. apparently

SECTION C: READING (60 points)

PART 1. For questions 1-10, read the following passage and choose the correct answer A, B, C, or D. Write your answers in the numbered spaces provided. (1.5 pts x 10 = 15 pts)

1. C	2. C	3. B	4. B	5. A
6. A	7. B	8. A	9. B	10. D

PART 2. For questions 11-23, read the following passage and complete the tasks given. Write your answers in the numbered spaces provided. (1.5 pts x 13 = 19.5 pts)

11. NOT GIVEN	12. YES	13. NO	14. NO	15. YES
16. easiest and cheapest	17. recurring errors	18. (the) necessary investments		
19. E	20. D	21. B	22. A	23. C

PART 3. For questions 24-33, read the following passage and fill in each blank with ONE WORD. Write your answers in the numbered spaces provided. (1.5 pts x 10 = 15 pts)

24. poor/ developing/ underdeveloped	25. between	26. distance	27. even	28. by
29. and	30. be/ become/ get	31. which	32. remote	33. when/ as

PART 4. For questions 34-40, read the following passage about the weather. Seven sentences have been removed. Choose from the sentences A-H the one which fits each gap. There is one extra sentence which you do not need to use. Write your answers in the numbered spaces provided. (1.5 pts x 7 = 10.5 pts)

34. H	35. D	36. E	37. G	38. C	39. B	40. F
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

SECTION D: WRITING (50 points)

PART 1. For questions 1-10, complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, using the words given. Do not change the words given. Write your answers in the numbered spaces provided. (2 pts x 10 = 20 pts)

1. Studying a second language both improves cognitive flexibility and opens doors to understanding diverse educational systems.

→ Not only does studying a second language improve cognitive flexibility but it also opens doors to understanding diverse educational systems.

2. It is advised that the female employee return home by 11 o'clock at the latest.

→ If I were the female employee, I would return home no later than 11 o'clock

3. You don't have to finish the presentation outline before Saturday.

→ You are under no obligation/ not obliged/ not required to finish the presentation outline before Saturday.

4. So smart were the coach's tactics that Vietnam's national football team achieved a great success in the last Sea Games.

→ It was **the coach's smart tactics that led** Vietnam's national football team to the victory in the last Sea Games.

5. Most modern companies want to employ people with good intercultural communication skills.

→ Most modern companies insist **on people with good intercultural communication skills being** employed.

6. If they catch anyone dropping litter in Singapore, they immediately make them pay a fine. **SPOT**

→ Anyone caught **dropping litter is fined on the spot** in Singapore.

7. The investors were so pessimistic about what happened. **VIEWED**

→ The investors should **have viewed what happened in** positive light.

8. I don't know why Fred made such an extraordinary decision. **PROMPTED**

→ I don't know **what prompted Fred to make so extraordinary** a decision.

9. My close friend changed the meaning of what I said and I was quite upset about it. **CONTEXT**

→ My close friend **took/ quoted my words/ what I said out of context** and I was quite upset about it.

10. Minh let nothing stand in his way of becoming a politician. **OBSTACLES**

→ Minh **overcame all (the) obstacles** to become a politician.

PART 2. Write an essay about the following topic:

Some people think that the government should provide people with free healthcare. Others, however, believe that people should pay for their own healthcare. Discuss both views and give your own opinion.

Give reasons for your answer and include any relevant examples from your own knowledge and experience. Write at least 250 words.

1. TASK RESPONSE (Hoàn thành yêu cầu bài luận) - Tối đa 7.5 điểm

Tiêu chí này đánh giá mức độ giải quyết trọn vẹn 3 yêu cầu của đề bài:

1. Phân tích quan điểm ủng hộ việc chính phủ chi trả chi phí y tế
2. Phân tích quan điểm ủng hộ việc cá nhân tự chi trả chi phí y tế
3. Đưa ra ý kiến cá nhân rõ ràng và hợp lý

Dải điểm	Mô tả tiêu chí (Descriptors)
6.5 - 7.5	- Bàn luận sâu sắc, công bằng và toàn diện cả hai quan điểm. - Ý kiến cá nhân (stance) cực kỳ rõ ràng, xuyên suốt từ Mở bài đến Kết bài. - Các luận điểm được mở rộng trọn vẹn, chứng minh bằng những ví dụ thực tiễn hoặc lập luận logic, sắc bén liên quan đến các vấn đề như khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chi phí chăm sóc sức khỏe cá nhân, trách nhiệm của chính phủ và cá nhân.
5.0 - 6.0	- Bàn luận được cả hai quan điểm và có đưa ra ý kiến cá nhân, nhưng có thể một khía cạnh được phân tích sâu hơn khía cạnh còn lại. - Các luận điểm được hỗ trợ tốt, tuy nhiên đôi chỗ ví dụ còn mang tính khái quát, chưa đủ độ thuyết phục thuyết đối.
3.5 - 4.5	- Có nhắc đến hai quan điểm nhưng phân tích hời hợt, hoặc bị mất cân bằng nghiêm trọng giữa các đoạn. - Ý kiến cá nhân chưa thật sự nổi bật hoặc chỉ được tóm tắt vội vàng ở Kết bài. - Nêu được luận điểm nhưng thiếu sự mở rộng (under-developed) hoặc ví dụ không sát với lập luận.
2.0 - 3.0	- Chỉ tập trung bàn luận về một trong hai quan điểm, phớt lờ hoàn toàn quan điểm còn lại. Không thể hiện rõ ý kiến cá nhân. - Ý tưởng nghèo nàn, lặp đi lặp lại một ý duy nhất mà không có dẫn chứng hỗ trợ.
0.0 - 1.5	- Lạc đề hoàn toàn. Không trả lời câu hỏi cốt lõi của đề bài.

2. COHERENCE & COHESION (Tính mạch lạc & Liên kết) - Tối đa 7.5 điểm

Tiêu chí này đánh giá cấu trúc bài luận (Mở - Thân - Kết), cách phân chia đoạn văn và sự trôi chảy khi chuyển ý.

Dải điểm	Mô tả tiêu chí (Descriptors)
6.5 - 7.5	- Bố cục bài luận hoàn hảo. Đoạn văn được phân chia cực kỳ hợp lý theo chuẩn bài Discussion + Opinion Essay. - Mạch tư duy liền mạch. Mỗi đoạn Thân bài đều có Câu chủ đề (Topic Sentence) định hướng rõ nét. - Sử dụng các công cụ liên kết (cohesive devices) linh hoạt, tự nhiên và vô hình, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các câu.
5.0 - 6.0	- Trình bày logic, dễ theo dõi. Có sự phân chia đoạn văn rõ ràng. - Các đoạn có câu chủ đề và ý tưởng được sắp xếp theo trình tự dễ hiểu. - Sử dụng tốt các từ nối (On the one hand, Conversely, Furthermore...), dù đôi chỗ có thể hơi mang tính công thức.
3.5 - 4.5	- Có chia đoạn nhưng tính logic chưa cao (Ví dụ: gộp cả 2 quan điểm đối lập vào cùng 1 đoạn dài). - Lạm dụng từ nối cơ học (overuse) hoặc dùng sai chức năng của từ nối (Ví dụ: dùng <i>Therefore</i> khi đang liệt kê). - Thiếu câu chủ đề, khiến mạch văn thỉnh thoảng bị đứt đoạn, khó theo dõi.
2.0 - 3.0	- Không chia đoạn văn (viết thành một khối văn bản duy nhất) hoặc ngắt đoạn tùy tiện. - Các câu văn rời rạc, không có tính gắn kết logic. Người đọc phải tự suy luận để kết nối các ý tưởng.
0.0 - 1.5	- Bài viết hỗn độn, không có cấu trúc đoạn văn. Không sử dụng bất kỳ công cụ liên kết nào.

3. LEXICAL RESOURCE (Vốn từ vựng) - Tối đa 7.5 điểm

Tiêu chí này đánh giá sự đa dạng của từ vựng, mức độ sử dụng từ vựng học thuật và chủ đề (topic-specific vocabulary), khả năng paraphrase và độ chính xác của cụm từ (collocations).

Dải điểm	Mô tả tiêu chí (Descriptors)
6.5 - 7.5	- Vốn từ vựng dồi dào, sử dụng uyển chuyển các thuật ngữ thuộc chủ đề y tế (vd: <i>universal healthcare, medical expenses, health insurance, government funding, access to healthcare</i>, vv). - Khả năng paraphrase cực tốt, thay đổi cấu trúc từ vựng của đề bài một cách tự nhiên. - Sử dụng collocations chính xác. Lỗi chính tả gần như bằng không (chỉ chấp nhận lỗi trượt tay - slips).
5.0 - 6.0	- Vốn từ đủ rộng để thảo luận vấn đề một cách rõ ràng. Có nỗ lực sử dụng từ vựng nâng cao (less common vocabulary) dù thỉnh thoảng chưa thật sự tự nhiên. - Paraphrase khá hiệu quả nhưng vẫn còn lặp lại một số từ khóa gốc. - Có một vài lỗi chính tả hoặc ghép từ, nhưng không làm thay đổi hay cản trở thông điệp truyền tải.
3.5 - 4.5	- Chỉ sử dụng từ vựng ở mức độ cơ bản. Lặp đi lặp lại các từ có sẵn trong đề bài một cách máy móc (<i>government, people, free healthcare, pay</i>). - Gặp khó khăn và diễn đạt vòng vo khi muốn thể hiện các khái niệm trừu tượng. - Mặc lỗi chính tả và dùng từ sai nghĩa gây ảnh hưởng cục bộ đến việc đọc hiểu.
2.0 - 3.0	- Từ vựng cực kỳ hạn chế, sử dụng sai liên tục khiến nghĩa của câu bị bóp méo, tối nghĩa. - Sai chính tả cơ bản ở tần suất dày đặc.

Dải điểm	Mô tả tiêu chí (Descriptors)
0.0 - 1.5	- Chỉ dùng được một vài từ vựng tiếng Anh rời rạc, không đủ để tạo thành câu có nghĩa.

4. GRAMMATICAL RANGE & ACCURACY (Đa dạng & Chính xác Ngữ pháp) - Tối đa 7.5 điểm
 Tiêu chí này đánh giá khả năng vận dụng linh hoạt các cấu trúc (từ câu đơn giản đến câu phức), độ chính xác của thì động từ và dấu câu.

Dải điểm	Mô tả tiêu chí (Descriptors)
6.5 - 7.5	- Sử dụng vô cùng linh hoạt và chính xác các cấu trúc ngữ pháp phức tạp (Mệnh đề quan hệ, Câu điều kiện, Câu chẻ, Đảo ngữ, Mệnh đề phân từ). - Mật độ câu không có lỗi (Error-free sentences) chiếm tỷ lệ áp đảo. - Kiểm soát dấu câu (chấm, phẩy) và các thì động từ hoàn hảo.
5.0 - 6.0	- Kết hợp tốt giữa câu đơn và câu phức. - Vẫn xuất hiện một vài lỗi ngữ pháp (chia động từ, giới từ, mạo từ a/an/the) hoặc thỉnh thoảng sai dấu phẩy, nhưng hoàn toàn không ảnh hưởng đến ý nghĩa tổng thể.
3.5 - 4.5	- Chủ yếu sử dụng câu đơn, cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại. - Có cố gắng sử dụng câu phức nhưng thường xuyên mắc lỗi cấu trúc. - Lỗi ngữ pháp xuất hiện nhiều, đôi chỗ khiến giám khảo phải đọc lại lần hai mới nắm được ý.
2.0 - 3.0	- Năng lực ngữ pháp yếu kém, hầu như câu nào cũng có lỗi sai cấu trúc nghiêm trọng. - Không phân biệt được các thì cơ bản, lỗi hệ thống. Đặt dấu câu lung tung.
0.0 - 1.5	- Không có khả năng thiết lập các cấu trúc câu tiếng Anh cơ bản nhất.